

Số: 02/TB-HĐTD

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO
Về kết quả kiểm tra, sát hạch viên chức năm 2025
tại Viện Đo lường Việt Nam


Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;
Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành nội quy và quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;
Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-ĐLVN ngày 21/7/2025 của Viện Đo lường Việt Nam về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2025;
Căn cứ Quyết định số 290/QĐ-ĐLVN ngày 27/8/2025 của Viện trưởng Viện Đo lường Việt Nam về việc công nhận kết quả kiểm tra, sát hạch viên chức năm 2025;

Viện Đo lường Việt Nam thông báo đến các thí sinh:

1. Kết quả kiểm tra, sát hạch viên chức năm 2025: Bảng tổng hợp kết quả kiểm tra, sát hạch viên chức năm 2025 đính kèm theo Thông báo này và được thông báo rộng rãi tại các kênh sau:

- Niêm yết tại bảng tin Tầng 2, nhà D, Viện Đo lường Việt Nam, Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội
- Website của Viện Đo lường Việt Nam: <http://vmi.gov.vn>
- Website của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia: <http://tcvn.gov.vn>
- Tạp chí điện tử Chất lượng Việt Nam: <https://vietq.vn>

2. Thí sinh trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Khoản 10 Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Viện Đo lường Việt Nam thông báo để thí sinh được biết và thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Ủy ban TĐC (để b/c);
- Viện trưởng (để b/c);
- Thí sinh tham dự kiểm tra, sát hạch;
- Lưu: VT, HĐTD.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH


PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Nguyễn Anh Sơn

VIỆN ĐO LƯỜNG VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
ĐO LƯỜNG VIỆT NAM
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, SÁT HẠCH VIÊN CHỨC NĂM 2025

(Kèm theo ~~Thông~~ báo số 02/TB-HD/TTD ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2025 của Viện Đo lường Việt Nam)

| STT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | | Vị trí dự tuyển | Đơn vị | Điểm vấn đáp | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------------------|----|--|--|-----------------|-----------------|--------------|-------------|------------------------|
| | | Nam | Nữ | | | | | | | |
| 1. | Trần Xuân Đạt | 10/09/1995 | | Kỹ sư thực hiện hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo và tham gia duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường Quốc gia lĩnh vực Đo lường Độ dài - Chức danh nghề nghiệp: Kỹ sư (hạng III) | Phòng Đo lường Độ dài, Viện Đo lường Việt Nam | 80,0 | - | 80,0 | Trúng tuyển | |
| 2. | Nguyễn Hồng Trọng | 28/05/1996 | | Kỹ sư thực hiện hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo và tham gia duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường Quốc gia lĩnh vực Đo lường Khối lượng - Chức danh nghề nghiệp: Kỹ sư (hạng III) | Phòng Đo lường Khối lượng, Viện Đo lường Việt Nam | 65,0 | - | 65,0 | Trúng tuyển | |
| 3. | Ngô Đình Hải | 30/08/1976 | | Kỹ sư thực hiện hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo và tham gia duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường Quốc gia lĩnh vực Đo lường Lực - Độ cứng - Chức danh nghề nghiệp: Kỹ sư (hạng III) | Phòng Đo lường Lực - Độ cứng, Viện Đo lường Việt Nam | 85,0 | - | 85,0 | Trúng tuyển | |
| 4. | Hoàng Văn Biều | 13/04/1983 | | Kỹ sư thực hiện hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo và tham gia duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường Quốc gia lĩnh vực Đo lường Áp suất - Chức danh nghề nghiệp: Kỹ sư (hạng III) | Phòng Đo lường Áp suất, Viện Đo lường Việt Nam | 70,0 | 05 | 75,0 | Trúng tuyển | Người dân tộc thiểu số |
| 5. | Nguyễn Thế Vương | 26/05/1989 | | Kỹ sư thực hiện hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo và tham gia duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường Quốc gia lĩnh vực Đo lường Áp suất - Chức danh nghề nghiệp: Kỹ sư (hạng III) | Phòng Đo lường Áp suất, Viện Đo lường Việt Nam | 65,0 | - | 65,0 | Trúng tuyển | |

| STT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | | Vị trí dự tuyển | Đơn vị | Điểm vấn đáp | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------------------|------------|--|--|-----------------|-----------------|--------------|-------------|-----------------|
| | | Nam | Nữ | | | | | | | |
| 6. | Nguyễn Ngọc Hải | 12/07/1979 | | Kỹ sư thực hiện hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo và tham gia duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường Quốc gia lĩnh vực Đo lường Dung tích - Lưu lượng - Chức danh nghề nghiệp: Kỹ sư (hạng III) | Phòng Đo lường Dung tích - Lưu lượng, Viện Đo lường Việt Nam | 70,0 | 05 | 75,0 | Trúng tuyển | Con thương binh |
| 7. | Nguyễn Minh Hoàng | 28/04/1986 | | Kỹ sư thực hiện hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo và tham gia duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường Quốc gia lĩnh vực Đo lường Hóa lý - Mẫu chuẩn - Chức danh nghề nghiệp: Kỹ sư (hạng III) | Phòng Đo lường Hóa lý - Mẫu chuẩn, Viện Đo lường Việt Nam | 85,0 | - | 85,0 | Trúng tuyển | |
| 8. | Lương Thị Thúy | | 28/09/1990 | Kỹ sư thực hiện hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo và tham gia duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường Quốc gia lĩnh vực Đo lường Hóa lý - Mẫu chuẩn - Chức danh nghề nghiệp: Kỹ sư (hạng III) | Phòng Đo lường Hóa lý - Mẫu chuẩn, Viện Đo lường Việt Nam | 85,0 | - | 85,0 | Trúng tuyển | |
| 9. | Phạm Đông Dương | 03/09/1989 | | Kỹ sư thực hiện hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo và tham gia duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường Quốc gia lĩnh vực Đo lường Điện - Chức danh nghề nghiệp: Kỹ sư (hạng III) | Phòng Đo lường Điện, Viện Đo lường Việt Nam | 75,0 | - | 75,0 | Trúng tuyển | |
| 10. | Nguyễn Thị Huyền | | 21/12/1990 | Kỹ sư thực hiện hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo và tham gia duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường Quốc gia lĩnh vực Đo lường Điện - Chức danh nghề nghiệp: Kỹ sư (hạng III) | Phòng Đo lường Điện, Viện Đo lường Việt Nam | 80,0 | - | 80,0 | Trúng tuyển | |
| 11. | Trần Mạnh Hải | 09/02/1983 | | Kỹ sư thực hiện hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo và tham gia duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường Quốc gia lĩnh vực Đo lường Điện - Chức danh nghề nghiệp: Kỹ sư (hạng III) | Phòng Đo lường Điện, Viện Đo lường Việt Nam | 70,0 | - | 70,0 | Trúng tuyển | |

| STT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | | Vị trí dự tuyển | Đơn vị | Điểm vấn đáp | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả | Ghi chú |
|-----|------------------|-----------------------|----|---|--|-----------------|-----------------|--------------|-------------|------------|
| | | Nam | Nữ | | | | | | | |
| 12. | Nguyễn Văn Mạnh | 09/06/1994 | | Kỹ sư thực hiện hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo và tham gia duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường Quốc gia lĩnh vực Đo lường Điện - Chức danh nghề nghiệp: Kỹ sư (hạng III) | Phòng Đo lường Điện, Viện Đo lường Việt Nam | 85,0 | - | 85,0 | Trúng tuyển | |
| 13. | Nguyễn Văn Ngọc | 02/06/1984 | | Kỹ sư thực hiện hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo và tham gia duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường Quốc gia lĩnh vực Đo lường Điện - Từ trường - Chức danh nghề nghiệp: Kỹ sư (hạng III) | Phòng Đo lường Điện - Từ trường, Viện Đo lường Việt Nam | 60,0 | - | 60,0 | Trúng tuyển | |
| 14. | Trần Mạnh Tường | 10/10/1990 | | Kỹ sư thực hiện hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo và tham gia duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường Quốc gia lĩnh vực Đo lường Điện - Từ trường - Chức danh nghề nghiệp: Kỹ sư (hạng III) | Phòng Đo lường Điện - Từ trường, Viện Đo lường Việt Nam | 80,0 | - | 80,0 | Trúng tuyển | |
| 15. | Nguyễn Huy Hoàng | 23/07/1988 | | Kỹ sư thực hiện hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo và tham gia duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường Quốc gia lĩnh vực Đo lường Điện - Từ trường - Chức danh nghề nghiệp: Kỹ sư (hạng III) | Phòng Đo lường Điện - Từ trường, Viện Đo lường Việt Nam | 85,0 | - | 85,0 | Trúng tuyển | |
| 16. | Mai Hồng Quân | 21/11/1995 | | Kỹ sư thực hiện hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo và tham gia duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường Quốc gia lĩnh vực Đo lường Nhiệt - Chức danh nghề nghiệp: Kỹ sư (hạng III) | Phòng Đo lường Nhiệt, Viện Đo lường Việt Nam | 90,0 | - | 90,0 | Trúng tuyển | |
| 17. | Nguyễn Văn Hoan | 20/05/1991 | | Kỹ sư thực hiện hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo và tham gia duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường Quốc gia lĩnh vực Đo lường Nhiệt - Chức danh nghề nghiệp: Kỹ sư (hạng III) | Phòng Đo lường Nhiệt, Viện Đo lường Việt Nam | 75,0 | - | 75,0 | Trúng tuyển | |

| STT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | | Vị trí dự tuyển | Đơn vị | Điểm vấn đáp | Điểm vụ tiên | Tổng điểm | Kết quả | Chú chú |
|-----|-------------------------|-----------------------|------------|--|--|-----------------|-----------------|--------------|----------------|---------------------------------|
| | | Nam | Nữ | | | | | | | |
| 18. | Nguyễn Lương Hoàng | 12/10/1990 | | Kỹ sư thực hiện hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo và tham gia duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường Quốc gia lĩnh vực Đo lường Quang học - Chức danh nghề nghiệp: Kỹ sư (hạng III) Chuyên viên về hành chính - văn phòng (thực hiện công tác tổ chức - nhân sự) - Chức danh nghề nghiệp: Chuyên viên | Phòng Đo lường Quang học, Viện Đo lường Việt Nam | 75,0 | - | 75,0 | Trúng tuyển | |
| 19. | Quách Thị Thao | | 18/08/1994 | Chuyên viên về quản trị công sở (Làm việc tại Viện Đo lường Việt Nam tại Khu R&D - Khu Công nghệ Cao Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội) - Chức danh nghề nghiệp: Chuyên viên | Văn phòng, Viện Đo lường Việt Nam | 85,0 | 05 | 90,0 | Trúng tuyển | Người dân tộc thiểu số |
| 20. | Đặng Quang Dương | 20/08/1987 | | Chuyên viên về kế hoạch và đầu tư (Làm việc tại Viện Đo lường Việt Nam tại Khu R&D - Khu Công nghệ Cao Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội) - Chức danh nghề nghiệp: Chuyên viên | Văn phòng, Viện Đo lường Việt Nam | 82,5 | - | 82,5 | Trúng tuyển | |
| 21. | Nguyễn Đại Việt | 30/03/1973 | | Chuyên viên về kế hoạch và đầu tư (thực hiện công việc về kế hoạch và đầu tư xây dựng cơ bản tại Viện Đo lường Việt Nam tại Khu R&D - Khu Công nghệ Cao Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội) - Chức danh nghề nghiệp: Chuyên viên | Văn phòng, Viện Đo lường Việt Nam | 80,0 | - | 80,0 | Trúng tuyển | |
| 22. | Nguyễn Thị Thu Hương | | 26/03/1987 | Chuyên viên về kế hoạch và đầu tư (thực hiện công việc về đầu thầu hoạt động dịch vụ của Viện Đo lường) - Chức danh nghề nghiệp: Chuyên viên | Trung tâm Ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ đo lường, Viện Đo lường Việt Nam | 82,5 | - | 82,5 | Trúng tuyển | |

Người